

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2026/DS-PT

Ngày: 13 - 3 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán xe và  
yêu cầu tính công sức đóng góp

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Minh Đa.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Phan Trí Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Khang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm số 1684/2025/TLPT-DS ngày 30/12/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán xe và yêu cầu tính công sức đóng góp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2026/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 2540/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa 2556/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH V; địa chỉ: số C, đường H, khu phố K, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, TP . Hồ Chí Minh); Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Xuân H, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1958; địa chỉ: Số B Đại lộ B, khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố M, phường B, TP . Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Đậu Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Địa chỉ liên lạc: số E, Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2025.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Xuân H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số B, đại lộ B, khu phố B, phường M, Thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Minh K.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH V (do bà Trương Xuân H là đại diện theo pháp luật) trình bày:*

Doanh nghiệp tư nhân S đăng ký thành lập lần đầu ngày 26/4/2006, chủ doanh nghiệp là bà Trương Xuân H; tài sản của doanh nghiệp là xe ô tô con biển số 61A-220.11, giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an tỉnh B cấp ngày 16/5/2015; nhãn hiệu Toyota, số loại Camry E, màu sơn đen, dung tích 1998, số máy: 6ARPO25105, số khung: 9FK3F1000179, trọng tải: hàng hoá, số chỗ ngồi: 5.

Doanh nghiệp tư nhân S đăng ký thành lập lại với tên gọi là Công ty TNHH V, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/5/2024; Mã số doanh nghiệp C; loại hình Công ty TNHH Một thành viên, chủ sở hữu duy nhất và là người đại diện theo pháp luật là bà Trương Xuân H.

Ông Nguyễn Minh K và bà Trương Xuân H là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 08/2008/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2008; tài sản chung của vợ chồng đã giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật số 93/2024/HNGĐ-ST ngày 17/09/2024.

Khoảng tháng 6/2015, khi bà H không có mặt tại Công ty, con trai của bà H là Nguyễn Minh K1 (đã chết) cho ông K mượn chiếc xe Camry biển số 61A-220.11. Đến năm 2024, bà H đòi ông K trả xe, ông K có ý muốn mua chiếc xe nên hai bên thoả thuận việc mua bán xe và nhờ Văn phòng V1 và Biên bản thoả thuận cùng ngày 26/04/2024; theo đó, bà H (đại diện Công ty V) bán xe xe Camry biển số 61A-220.11 cho ông K với giá 950.000.000 đồng, ông K có nghĩa vụ thanh toán tiền mua xe trong thời hạn 30 ngày, Công ty V nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, ông K chịu thuế và phí sang tên xe theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 22/5/2024, ông K gửi đơn đến Văn Phòng V1 về việc không

thực hiện thỏa thuận vì không có tiền thanh toán nhưng vẫn không giao trả xe.

Nay, Công ty V khởi kiện ông K yêu cầu thực hiện thỏa thuận về việc mua bán xe, yêu cầu ông K trả số tiền số tiền 950.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 10%/năm kể từ ngày 26/4/2024.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất chậm thanh toán từ ngày 26/4/2024 đến ngày 26/5/2024.

*Bị đơn ông Nguyễn Minh K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố như sau:*

Trước đây gia đình có thành lập Doanh nghiệp tư nhân S, sau này thay đổi đăng ký kinh doanh thành Công ty TNHH V. Do đó, tài sản của doanh nghiệp là tài sản chung của vợ chồng ông K, bà H.

Xe ô tô Camry E, biển kiểm soát 61A-220.11 là tài sản của Công ty V mua năm 2015, thời điểm này ông K đã ly hôn bà H nhưng hai người chưa chia tài sản chung. Do đó, ông K vẫn còn tài sản trong Công ty V; năm 2015, con trai ông K (ông Nguyễn Minh K1) đề xuất đổi xe, theo đó ông K giao chiếc xe ông đang sử dụng cho ông K1, và ông K1 giao chiếc xe Camry biển số 61A-220.11 cho ông K sử dụng. Mục đích của ông K sử dụng xe làm phương tiện đi lại giúp Công ty V xin giấy phép thành lập xưởng tại xã A; việc ông K1 đổi xe cho ông K, bà H biết nhưng không có ý kiến phản đối.

Đến năm 2020, ông K1 mất. Sau đó, vì lý do sức khỏe yếu, do mâu thuẫn gia đình nên ông K không thường xuyên về nhà.

Hiện tại, ông K không trực tiếp quản lý, sử dụng xe Camry biển số 61A-220.11 mà người đang quản lý xe là ông Nguyễn Quang T1 (địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Khi đi công tác hoặc có việc thì ông K nhờ ông T1 dùng xe chở đi.

Đến năm 2023, khi ông K và bà H xảy ra tranh chấp về tài sản chung, bà H có yêu cầu ông trả lại chiếc xe Camry biển số 61A-220.11, ông K đồng ý trả lại nhưng bà H không đồng ý nhận xe.

Năm 2024, khi hai bên tranh chấp chia tài sản chung tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18), bà H yêu cầu ông K giải quyết luôn chiếc xe của Công ty, ông K muốn trả lại xe nhưng bà H không chịu và yêu cầu ông K ký vào Vi bằng mua lại xe với giá 950.000.000 đồng, đổi lại bà H sẽ thống nhất những nội dung khác đang tranh chấp tại Tòa án. Tuy nhiên, sau khi ký Vi bằng và biên bản thỏa thuận thì bà H thay đổi ý kiến và không thực hiện đúng thỏa thuận, không ký hợp đồng, không xuất hoá đơn, không thỏa thuận được tranh chấp tài sản chung tại Tòa án. Ông K xác định giá trị chiếc xe hiện nay là 450.000.000 đồng, ông K đồng ý hoàn lại giá trị cho bà H 225.000.000 đồng.

Ông K cho rằng quá trình thành lập, hoạt động của Công ty V có sự đóng

góp tiền bạc, công sức không hề nhỏ của ông; do đó, ông K có đơn phản tố với yêu cầu Công ty V thanh toán lại cho ông số tiền 10.000.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, ông K rút yêu cầu phản tố.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Xuân H thống nhất ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V với bị đơn ông Nguyễn Minh K (về khoản tiền lãi tính từ ngày 26/4/2024 đến ngày 26/5/2024).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Minh K với nguyên đơn Công ty TNHH V về việc: “Yêu cầu tính công sức đóng góp”.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe” như sau:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh K phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH V số tiền 1.072.972.200 đồng (trong đó: Tiền gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi là 122.972.200 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh K được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng đối với xe ô tô con biển số 61A.220.11, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry E, màu sơn đen, dung tích 1998, số máy: 6ARPO25105, số khung: 9FK3F1000179 do Công an tỉnh B đã cấp ngày 16/5/2015 cho Công ty TNHH V.

- Nguyên đơn Công ty TNHH V có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh K phải chịu toàn bộ các khoản lệ phí trước bạ và các khoản phí liên quan đến việc đăng ký xe.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 25/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Minh K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hình thức mua bán xe giữa nguyên đơn và bị đơn chưa đúng quy định theo pháp luật, tuy nhiên ông K đã nhận xe và sử dụng từ năm 2015 cho đến nay. Do đó, căn cứ Điều 129 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, công nhận hợp đồng mua bán xe đã ký và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người đại diện hợp pháp của đương sự;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh K có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty TNHH V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh K thanh toán số tiền 950.000.000 đồng, theo Biên bản thỏa thuận ngày 26/4/2024 về việc mua bán xe ô tô con biển số 61A-220.11, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry E, số máy: 6ARPO25105, số khung: 9FK3F1000179 Công an tỉnh B cấp ngày 16/5/2015.

Xét thấy: Doanh nghiệp tư nhân S đăng ký thay đổi thành Công ty TNHH V (Công ty V); do đó, tài sản của Doanh nghiệp tư nhân S chuyển thành tài sản của Công ty V theo quy định của pháp luật. Tài sản của Công ty V là xe ô tô con biển số 61A-220.11, giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an tỉnh B cấp ngày 16/5/2015 (cấp cho Doanh nghiệp tư nhân S); nhãn hiệu Toyota, số loại Camry E, màu sơn đen, dung tích 1998, số máy: 6ARPO25105, số khung: 9FK3F1000179, trọng tải: hàng hoá, số chỗ ngồi: 5.

Bà Trương Xuân H là chủ Doanh nghiệp tư nhân S, sau này là chủ sở hữu và đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty V. Do đó, bà H có quyền định đoạt tài sản của Công ty V theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Ngày 26/4/2024, bà H (đại diện Công ty V) và ông K ký Biên bản thỏa thuận và Vi bằng tại Văn phòng V1; theo đó Công ty V bán cho ông K xe Camry biển số 61A-220.11 với giá 950.000.000 đồng, ông K có nghĩa vụ thanh toán tiền mua xe trong thời hạn 30 ngày, Công ty V nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, ông K chịu thuế và phí sang tên xe theo quy định của pháp luật.

Dù rằng về hình thức thỏa thuận mua bán giữa hai bên chưa đúng quy định của pháp luật nhưng thực tế ông K đã sử dụng xe từ trước khi mua bán cho

đến nay, không có chứng cứ chứng minh việc mua bán là không tự nguyện. Ông ông K không có chứng cứ chứng minh bà H lừa dối trong việc mua bán xe, hoặc nếu có lừa dối thì tại sao ông K không trả lại xe ngay sau khi biết mình bị lừa dối mà ông K đã sử dụng xe từ năm 2015 cho đến nay.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng mua bán xe theo đúng thỏa thuận giữa hai bên và buộc trách nhiệm trả tiền và lãi chậm thanh toán của ông K là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh K.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh K là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 129, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V với bị đơn ông Nguyễn Minh K về khoản tiền lãi từ ngày 26/4/2024 đến ngày 26/5/2024.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Minh K đối với nguyên đơn Công ty TNHH V về việc “Yêu cầu tính công sức đóng góp”.

2.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH V đối với bị đơn ông Nguyễn Minh K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe” như sau:

- Công nhận hợp đồng mua bán giữa Công ty TNHH V (kế thừa quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân S) và ông Nguyễn Minh K đối với xe ô tô con

biển số 61A-220.11, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry E, màu sơn đen, dung tích 1998, số máy: 6ARPO2515, số khung: 9FK3F1000179, giấy đăng ký xe do Công an tỉnh B (nay là Công An Thành phố H) cấp cho Doanh nghiệp tư nhân S ngày 16/5/2015.

- Công ty TNHH V có nghĩa vụ xuất hóa đơn bán xe cho ông Nguyễn Minh K và nộp thuế theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Minh K được có nghĩa vụ đăng ký sang tên quyền sở hữu xe tại cơ quan có thẩm quyền, nộp phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe theo quy định của pháp luật.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh K phải trả cho Công ty TNHH V số tiền tiền gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 122.972.200 đồng; tổng cộng 1.072.972.200 đồng (một tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH V không phải chịu. Trả lại cho Công ty TNHH V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.250.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0054463 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3.2. Ông Nguyễn Minh K là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

### 4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh K được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 18 - TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 18 - TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 5 – TP.HCM;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**Đào Minh Đa**

